

Bản án số: 110/2026/DS-ST
Ngày: 26-8-2026
Về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – BẮC NINH

- Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Chi.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Tấn.

Ông Lê Văn Đô.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Triệu- Thư ký tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 329/2026/TLST- DS ngày 04 tháng 5 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2026/QĐXXST- DS ngày 15 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 198/2026/QĐST- DS ngày 07/8/2026 giữa:

- **Nguyên đơn:** Ông Hà Huy Đ, sinh ngày 21/10/1960; Căn cước công dân số 0240 6001 4874 cấp ngày 17/12/2021; nơi cư trú: Thôn S (nay là thôn P, xã H, tỉnh Bắc Ninh) (có mặt).

- **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị P, sinh ngày 05/4/1989; Căn cước công dân số 0241 8900 3140 cấp ngày 24/5/2021; Nơi cư trú: Thôn T (nay là thôn T), xã H, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị P, sinh ngày 07/7/1967; Căn cước công dân số 0241 6700 8194 cấp ngày 18/12/2021; Nơi cư trú: Thôn S (nay là thôn P), xã H, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

2. Anh Nguyễn Văn H, sinh ngày 01/01/1982; Căn cước công dân số 0240 8200 2386; Nơi cư trú: Thôn T (nay là thôn T), xã H, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, bản tự khai, các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Hà Huy Đ trình bày: Do có quan hệ quen biết, cùng chơi phường, hội chẵn nuôi với nhau nên ngày 04/9/2025 dương lịch (tức ngày 13/7/2025 âm lịch) ông Đ có cho chị Nguyễn Thị P, sinh ngày 05/4/1989; nơi cư trú: Thôn T (nay là thôn T), xã H, tỉnh Bắc Ninh vay số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) để chị P đảo sổ ngân hàng. Khi cho vay hai bên có lập Giấy biên nhận vay tiền thỏa thuận đề ngày 04/9/2025, thời hạn vay tiền 10 ngày, không thỏa thuận lãi suất. Sau khi lập giấy vay tiền chị P có ký nhận vào giấy vay tiền, còn ông Đ ngay sau đó đã chuyển khoản đủ cho chị P số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) từ tài khoản ngân hàng của ông Đ đến tài khoản ngân hàng số 101868172945 của chị P mở tại Ngân hàng TMCP C (V).

Hết thời hạn vay chị P không trả tiền như đã hẹn, ông Đ đã gặp và đòi tiền chị P nhiều lần nhưng chị P vẫn không trả lại tiền cho ông Đ như cam kết. Đối với số tiền chị P vay ông Đ xác định khi vay thì một mình chị P vay tiền và ký nhận tiền trong Giấy biên nhận vay tiền, tuy nhiên mục đích chị P vay là để đảo sổ ngân hàng, là số tiền chi tiêu chung cho việc phát triển kinh tế gia đình. Do vậy ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị P và chồng là anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ liên đới trả lại ông Đ số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng); Buộc vợ chồng chị P và anh H có nghĩa vụ liên đới phải trả cho ông Đ số tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 15/9/2025 đến ngày 26/01/2026 (129 ngày) với mức lãi suất 10%/01 năm (tương đương với 0,83%/01 tháng) = $(1.000.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%) / 30 \times 129 \text{ ngày} = 35.690.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng gốc và lãi tạm tính đến ngày 26/01/2026 là 1.035.690.000 đồng; Buộc vợ chồng chị P, anh H có nghĩa vụ liên đới tiếp tục trả cho ông Đ tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 10%/01 năm (tương đương với 0,83%/01 tháng) kể từ ngày 27/01/2026 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm xong.

Tại phiên hòa giải ông Đ thừa nhận chị P và anh H đã trả cho ông 100.000.000 đồng tiền nợ gốc, còn nợ lại 900.000.000 đồng tiền nợ gốc nên nguyên đơn ông Đ yêu cầu chị Nguyễn Thị P và chồng là anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ liên đới trả lại cho ông Đ số tiền nợ gốc là 900.000.000 đồng; tiền lãi với lãi suất 10%/năm tạm tính đến ngày 18/5/2026 là 67.500.000 đồng; Tổng cộng vợ chồng chị P và anh H có nghĩa vụ liên đới phải trả lại cho ông số tiền tạm tính đến ngày 18/5/2026 cả gốc và lãi là 967.500.000 đồng. Ông Đ xác định số tiền cho chị P, anh H vay là tài sản chung của vợ chồng ông Đ và bà P nhưng ông khởi kiện yêu cầu chị P và anh Hoàn T cho một mình ông số tiền này. Còn về phần phân định quyền lợi của vợ chồng ông thì ông và bà P không yêu cầu trong vụ án này.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị P trình bày: Chị có mối quan hệ quen biết với vợ chồng ông Hà Huy Đ, sinh năm 1960, bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1967; cùng địa chỉ: thôn S, xã H, tỉnh Bắc Ninh do cùng hội chơi phường

và hội chăn nuôi với nhau. Ngày 04/9/2025 dương lịch, tức ngày 13/7/2025 âm lịch, chị đã vay của ông Đ số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) tại nhà ông Đ, bà P. Khi vay chị và ông Đ có lập giấy biên nhận vay tiền thỏa thuận do ông Đ đánh máy sẵn nội dung và ông Đ tự điền thông tin vào mục còn thiếu trong giấy, nội dung trong giấy vay tiền thể hiện chị P vay của vợ chồng ông Đ bà P số tiền 1.000.000.000 đồng, mục đích vay tiền để đảo sổ ngân hàng. Thời hạn vay 10 ngày, không thỏa thuận lãi suất. Sau đó chị đã nhận đủ 1.000.000.000 đồng tiền chuyển khoản từ ông Đ rồi ký, ghi rõ họ tên vào mục Người vay tiền, ông Đ ký và ghi rõ họ tên vào mục Người cho vay tiền.

Kể từ sau khi vay tiền đến ngày 03/12/2025 dương lịch, chị đã trả ông Đ 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) qua hình thức chuyển khoản từ số tài khoản của chị đến số tài khoản số 105000516391 của bà Nguyễn Thị P tại ngân hàng TMCP C (V) chi nhánh H1. Số tiền 900.000.000 đồng còn lại do gia đình chị gặp khó khăn về điều kiện kinh tế, tình trạng chăn nuôi bị dịch bệnh nên đã không thu xếp trả cho ông Đ như đúng thỏa thuận.

Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu chị và anh H có nghĩa vụ liên đới trả lại trả lại cho ông Đ số tiền nợ gốc là 900.000.000 đồng; tiền lãi với lãi suất 10%/năm tạm tính đến ngày 18/5/2026 là 67.500.000 đồng; Tổng cộng tạm tính đến ngày 18/5/2026 cả gốc và lãi là 967.500.000 đồng thì chị đồng ý nhưng chị xin cho vợ chồng chị được trả dần.

Chị P xác định mục đích vay tiền của ông Đ để đảo nợ sổ nợ ngân hàng do trước đó chị có vay của ngân hàng N A chi nhánh H1 để lấy vốn kinh doanh cám chăn nuôi phát triển kinh tế gia đình, việc chị vay tiền của ông Đ, bà P, chồng chị là anh H có được biết, được chị thông báo nhưng không tham gia vào việc ký giấy tờ vay mượn tiền trực tiếp với ông Đ, bà P.

* Tại biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P trình bày: Bà là vợ của ông Hà Huy Đ, sinh năm 1960. Gia đình bà quen biết gia đình nhà chị P, anh H do cùng hội chăn nuôi và hội chơi phường. Giữa năm 2025, chị P và anh H có liên hệ cho vợ chồng bà để vay số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) với mục đích vay để lấy tiền đảo sổ ngân hàng. Do chỗ quen biết tin tưởng nên cả hai vợ chồng bà đồng ý cho chị P, anh H vay số tiền như trên. Ngày 13/7/2025 âm lịch (tức ngày 04/9/2025 dương lịch), chồng bà là ông Đ có cho chị P và anh H vay số tiền tổng cộng 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng chẵn), mục đích vay để vợ chồng chị P, anh H đảo sổ ngân hàng. Khi cho vay, chỉ có chị P tới nhà bà làm thủ tục viết giấy biên nhận vay tiền, khi đó hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 10 ngày, không thỏa thuận lãi suất. Chị P đã ký, ghi rõ họ tên vào bên vay tiền trước sự chứng kiến của vợ chồng tôi. Sau đó chồng tôi là ông Đ đã chuyển khoản cho chị P số tiền 1.000.000.000 đồng từ tài khoản ngân

hàng của ông Đ đến tài khoản số 101868172945 tại Ngân hàng TMCP C (V) của chị P.

Hết thời hạn 10 ngày theo thoả thuận, chị P không trả lại tiền cho vợ chồng bà như đã cam kết, đến tháng 12 năm 2025, chị P có liên hệ trả cho bà số tiền 100.000.000 đồng tiền gốc qua 02 lần chuyển khoản, 01 lần 14.000.000 đồng và 01 lần 86.000.000 đồng. Từ đó đến nay vợ chồng bà đã nhiều lần đòi nốt số tiền 900.000.000 đồng còn lại nhưng chị P, anh H liên tục khất lần và không trả lại.

Bà xác định số tiền cho chị P vay là tiền chung của hai vợ chồng, nay ông Đ khởi kiện đề nghị Tòa án buộc vợ chồng chị P và anh H có nghĩa vụ liên đới phải trả lại cho ông Đ số tiền tạm tính đến ngày 18/5/2026 là 967.500.000 đồng, trong đó nợ gốc 900.000.000 đồng (*Chín trăm triệu đồng*), tiền lãi với lãi suất 10%/năm là 67.500.000 đồng (*Sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) thì bà nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Đ. Về phần quyền lợi của bà đối với số tiền cho chị P anh H vay này vì là vợ chồng nên bà và ông Đ sẽ tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H* quá trình Tòa án trực tiếp gặp anh H làm việc, anh H trao đổi, trình bày nhưng từ chối ký biên bản, Tòa án đã lập biên bản ghi lại ý kiến của anh H theo quy định của pháp luật như sau: Anh là chồng của chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1989. Việc vay nợ giữa chị P là vợ anh với vợ chồng ông Đ, bà P như thế nào thì anh không rõ cụ thể. Trước đó, vợ anh chị P cũng rất hay vay mượn tiền nhiều nơi, anh cũng đã trả nợ cho nhiều lần và cũng đã cảnh báo ông Đ, bà P về việc không được cho chị P là vợ anh vay tiền. Tuy nhiên ông Đ bà P vẫn cho chị P vay tiền thì anh không biết và cũng không liên quan đến khoản vay trên. Đến khi ông Đ, bà P tới đòi tiền vợ anh thì anh mới được biết. Khi đó anh cũng đã trao đổi với phía gia đình ông Đ về việc khi nào có điều kiện kinh tế khá hơn thì hai vợ chồng anh chị sẽ trả lại tiền cho ông Đ, bà P. Anh xác định bản thân anh không biết, không liên quan đến giao dịch vay mượn tiền giữa vợ anh và ông Đ, bà P. Với số tiền chị P vợ anh vay được của ông Đ cũng không mang về tiêu chung gia đình, bản thân anh cũng không được tiêu bất cứ khoản nào trong số tiền đó. Trong giấy vay tiền thể hiện việc chị P vay tiền về để đáo sổ ngân hàng là không đúng vì thời điểm đo gia đình anh không có nhu cầu đáo nợ sổ ngân hàng. Việc chị P vay tiền sử dụng vào mục đích gì thì anh không rõ. Thời điểm hai bên lập Giấy biên nhận vay tiền thì anh không có mặt ở đó, không ký tên vào giấy vay tiền cũng như không biết tới giao dịch vay tiền này. Nay phía ông Đ khởi kiện yêu cầu chị P và anh có nghĩa vụ liên đới trả lại số tiền tạm tính đến ngày 18/5/2026 là 967.500.000 đồng, trong đó nợ gốc 900.000.000 đồng (*Chín trăm triệu đồng*), tiền lãi với lãi suất 10%/năm là 67.500.000 đồng

(Sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng) thì anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đ vì anh xác định bản thân không liên quan đến khoản nợ trên.

* *Tòa án tiến hành xác minh đối với Ngân hàng N (A) chi nhánh H1, Bắc Giang cung cấp:* Đối với khách hàng có tên Nguyễn Thị P, sinh năm 1989, căn cước công dân số 0241 8900 3140 cấp ngày 25/4/2021, địa chỉ: thôn T (nay là thôn T), xã H, tỉnh Bắc Ninh có ký kết Hợp đồng tín dụng số 2505LAZ202500526 ngày 26/02/2025; Hạn mức cho vay 2.800.000.000 đồng (Hai tỷ tám trăm triệu đồng); Mục đích vay vốn để Kinh doanh thức ăn chăn nuôi, cho vay có tài sản bảo đảm. Tại thời điểm ngày 04/9/2025 chị P có trả ngân hàng số tiền 1.000.000.000 đồng (trả khoản giải ngân ngày 05/3/2025) sau đó tiếp tục được ngân hàng giải ngân cho vay lại 1.000.000.000 đồng cùng ngày 04/9/2025.

Tại phiên tòa: Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh H vắng mặt.

Nguyên đơn ông Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc vợ chồng chị P anh H có nghĩa vụ liên đới trả lại cho ông Đ số tiền 900.000.000 đồng tiền gốc; Tiền lãi chậm trả tính với mức lãi suất 10%/năm tạm đối với số tiền gốc 900.000.000 đồng từ ngày 19/5/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm 26/8/2026. Ông Đ yêu cầu vợ chồng chị P anh H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đ cả tiền gốc và tiền lãi vào 01 lần.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đ và đồng ý với lời trình bày của ông Đ tại phiên tòa. Về phần quyền lợi của bà trong số tiền chị P trả cho ông Đ, vì là vợ chồng nên bà không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 và khoản 1 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hà Huy Đ

+ Buộc chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ liên đới trả ông Hà Huy Đ 985.315.068 đồng, trong đó gồm 900.000.000 đồng tiền nợ gốc và 85.315.068 đồng tiền lãi.

- Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Đ được chấp nhận nên chị P anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Kiến nghị: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật: Ông Hà Huy Đ có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về việc ông Đ cho chị Nguyễn Thị P vay tiền; Chị P là bị đơn, hiện cư trú tại thôn T, xã H, tỉnh Bắc Ninh. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và Nguyễn Thị P có mặt. Bị đơn chị Nguyễn Thị P, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vắng mặt nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị P, anh H.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về yêu cầu trả tiền gốc: Nguyên đơn ông Đ khởi kiện yêu vợ chồng chị P và anh H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đ số tiền 900.000.000 đồng nợ gốc. Căn cứ khởi kiện của nguyên đơn là Giấy biên nhận vay tiền thỏa thuận đề ngày 04/9/2025.

Bị đơn chị P thừa nhận các chữ ký, chữ viết của chị trong giấy biên nhận vay tiền thỏa thuận ngày 04/9/2025 (dương lịch), chị P xác nhận có vay của ông Đ số tiền 1.000.000.000 đồng để đáo sổ ngân hàng với thời hạn vay 10 ngày, không thỏa thuận lãi suất. Quá trình vay nợ chị đã trả cho bà P là vợ ông Đ số tiền 100.000.000 đồng, xác định số tiền nợ gốc hiện nay còn 900.000.000 đồng. Chị P thừa nhận số tiền nợ vay của ông Đ mục đích để đáo sổ ngân hàng vay vốn sử dụng vào mục đích kinh doanh thức ăn chăn nuôi, phát triển kinh tế gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xác minh với UBND xã H kết quả xác định chị P và anh H là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H và hiện nay vẫn sinh sống cùng nhau và đang trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp. Xác minh với Ngân hàng A chi nhánh H1 thể hiện tại thời điểm chị P vay tiền của ông Đ (ngày 04/9/2025 dương lịch), chị P đang có khoản nợ tại Ngân hàng A chi nhánh H1 mục đích vay vốn để kinh doanh thức ăn chăn nuôi, ngày 04/9/2025 chị P có trả ngân hàng A số tiền 1.000.000.000 đồng sau đó lại giải ngân vay lại tiếp (đảo sổ ngân hàng).

Xác minh với đại diện chính quyền thôn T cho thấy chị P và anh H là vợ chồng, vẫn chung sống cùng nhau, thời điểm từ đầu năm 2025 đến tháng 9/2025 vợ chồng anh H và chị P có sinh sống tại địa phương và có nghề nghiệp là chăn nuôi, có kết hợp việc lấy cám bán lại cho một số hộ dân cùng chăn nuôi tại địa phương.

Anh Nguyễn Văn H xác định không biết tới việc vay nợ giữa vợ anh với vợ chồng ông Đ, bà P, anh không biết chị P vay tiền của ông Đ để làm gì, chị P không mang tiền về chi tiêu chung phát triển kinh tế gia đình nhưng theo lời khai của chị P và kết quả xác minh tại địa phương, UBND xã H, Ngân hàng A chi nhánh H1 nêu trên Hội đồng xét xử thấy có căn cứ xác định khoản vay giữa chị P và ông Đ ngày 04/9/2026 mặc dù chỉ có một mình chị P ký giấy vay tiền và nhận tiền vay nhưng là khoản vay được hình thành trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp giữa chị P và anh H, được sử dụng vào mục đích trả khoản nợ chung của anh H và chị P của Ngân hàng để vay lại vốn chăn nuôi phát triển kinh tế chung của gia đình nên đây là nợ chung của chị P, anh H trong thời kỳ hôn nhân theo quy định tại Điều 27 và khoản 1 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Xét về nội dung, hình thức của Giấy biên nhận vay tiền đề ngày 04/9/2025 là phù hợp với quy định quy định tại các Điều 116, 117, 119, 463 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có đủ căn cứ xác định ngày 04/9/2025 chị P có vay của ông Đ số tiền nợ gốc 1.000.000.000 đồng, mục đích trả nợ khoản vay của ngân hàng để phát triển kinh tế gia đình. Quá trình làm việc, các bên đã cùng thống nhất xác định đến ngày 03/12/2025 dương lịch, chị P đã trả cho ông Đ 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), còn nợ lại 900.000.000 đồng. Do vậy ông Đ khởi kiện yêu cầu chị P và anh H có nghĩa vụ liên đới trả lại ông Đ 900.000.000 đồng tiền nợ gốc là có cơ sở.

[3.2] Về yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn: Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu chị P và anh H có nghĩa vụ liên đới trả tiền lãi chậm trả của số tiền nợ gốc 900.000.000 đồng từ ngày 15/9/2025 dương lịch cho đến ngày xét xử sơ thẩm 26/8/2026.

Giấy vay tiền được xác lập giữa các bên được xác lập sau ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực pháp luật, có thỏa thuận thời hạn trả tiền, không thỏa thuận về lãi suất. Đến hạn chị **P** và anh **H** không trả nợ cho nguyên đơn nên chị **P** và anh **H** phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 (tương đương 10%/01năm) kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán ngày 15/9/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm. Do vậy yêu cầu tính lãi tại phiên tòa của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Quá trình giải quyết vụ án xác định ngày 03/12/2025 bị đơn trả cho nguyên đơn 100.000.000 đồng, còn nợ 900.000.000 đồng. Theo quy định của pháp luật bị đơn phải có nghĩa vụ trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn của 1.000.000.000 đồng từ ngày 15/9/2025 đến ngày 03/12/2025; tiền lãi trên nợ gốc quá hạn của 900.000.000 đồng từ ngày 04/12/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên tại phiên tòa nguyên đơn tự nguyện chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn của 900.000.000 đồng từ ngày 15/9/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm 28/6/2026 là có lợi cho bị đơn nên cần chấp nhận.

Do vậy, số tiền lãi chị **P**, anh **H** phải trả cho ông **Đức T1** từ ngày 15/9/2025 đến ngày 26/8/2026 = $(900.000.000 \text{ đồng} \times 10\%):365 \times 346 \text{ ngày} = 85.315.068 \text{ đồng}$.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị **Nguyễn Thị P** và anh **Nguyễn Văn H** có nghĩa vụ liên đới trả cho ông **Hà Huy Đ** tổng số tiền 985.315.068 đồng, trong đó gồm 900.000.000 đồng tiền nợ gốc và 85.315.068 đồng tiền lãi.

[5] Về lãi suất chậm thi hành án: Do các đương sự không thỏa thuận được nên áp dụng mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Do yêu cầu khởi kiện của ông **Đ** được chấp nhận nên ông **Đ** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Do ông **Đ** là người cao tuổi được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét về tiền tạm ứng án phí.

Chị **Nguyễn Thị P** và anh **Nguyễn Văn H** phải liên đới chịu 41.559.452 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh là hoàn toàn phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 280 ;

Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 280, Điều 288, Điều 463, 466, Điều 468, Điều 470 ;

Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 2 Điều 26 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; khoản 1 Điều 5, Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Huy Đ.

Buộc chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Hà Huy Đ tổng số tiền 985.315.068đ (chín trăm tám mươi lăm triệu ba trăm mười lăm nghìn không trăm sáu mươi tám đồng), trong đó gồm 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng) tiền nợ gốc và 85.315.068 đồng (tám mươi lăm triệu ba trăm mười lăm nghìn không trăm sáu mươi tám đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ liên đới chịu 41.559.452 đồng (bốn mươi một triệu năm trăm năm mươi chín nghìn bốn trăm lăm mươi hai đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm

Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh
- VKSND khu vực 2 - Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Linh Chi